

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ BÀI TIỂU LUẬN, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ứng dụng CNTT&TT trong dạy học Ngữ văn		
Mã học phần:	71PEDA40762	Số tín chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	243_71PEDA4 0762_01		
Hình thức thi: Tiểu luận (không thuyết trình)	Thời gian làm bài:	14	ngày
☒ GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần	☐ TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố		
☐ Cá nhân	☒ Nhóm	Số SV/nhóm:	03
Quy cách đặt tên file		Mã SV_Ho và ten SV_Tên học phần	

1. Đề bài

Vận dụng các công cụ công nghệ thông tin để thiết kế bài giảng điện tử cho tác phẩm:
“Mùa vịt chạy đồng” – tác giả Nguyễn Thị Hậu. (10,0 điểm)

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

a. Giới hạn yêu cầu bài làm:

Soạn Bài giảng điện tử, định dạng phần mềm Powerpoint, khoảng 30-40 slide
Phần Khởi động và Củng cố: Tùy chọn hình thức và nội dung
Phần Hình thành kiến thức mới: Soạn đủ 2 phần Tri thức Ngữ văn và Đọc hiểu văn bản

b. Hình thức nộp bài:

Trình bày bìa theo hình thức Tiểu luận.
Nộp 1 file Powerpoint, định dạng PDF trên hệ thống CTE của Nhà trường.

3. Rubric và thang điểm

ĐÁNH GIÁ BÀI TIỂU LUẬN CUỐI KỲ (40%)

STT	Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém <50%
1	Thiết kế được bài giảng, nội dung kiểm tra và kho học liệu số có tích hợp hiệu quả công cụ CNTT-TT.	20%	Thiết kế đầy đủ, có tính ứng dụng thực tế, công cụ CNTT được tích	Thiết kế cơ bản hoàn chỉnh, ứng dụng công cụ	Thiết kế còn đơn giản, tích hợp công cụ CNTT còn rời	Thiết kế sơ sài, thiếu tính ứng dụng, công cụ CNTT sử dụng

	(CLO1)		hợp hợp lý, hiệu quả cao.	CNTT khá hợp lý.	rac hoặc chưa hiệu quả.	sai hoặc không phù hợp.
2	Thể hiện tính sáng tạo trong lựa chọn và vận dụng công cụ kỹ thuật số vào dạy học Ngữ văn. (CLO1)	10%	Vận dụng công cụ số mới, độc đáo, phù hợp bài học; thể hiện tư duy sáng tạo rõ rệt.	Vận dụng công cụ số phù hợp, có một vài điểm sáng tạo.	Vận dụng công cụ số ở mức độ cơ bản, chưa có dấu ấn sáng tạo rõ.	Thiếu tính sáng tạo, sử dụng lặp lại hoặc không hiệu quả công cụ số.
3	Sử dụng thành thạo các công cụ CNTT-TT trong việc chuẩn bị và tổ chức hoạt động dạy học. (CLO2)	20%	Sử dụng linh hoạt, đúng mục đích, tối ưu hóa các công cụ trong quá trình dạy học.	Sử dụng đúng công cụ, đạt yêu cầu trong chuẩn bị và giảng dạy.	Sử dụng công cụ còn lúng túng, chỉ đáp ứng được phần cơ bản.	Sử dụng sai hoặc gần như không sử dụng được công cụ CNTT.
4	Khai thác hiệu quả nền tảng số để hỗ trợ quản lý, giao tiếp và tương tác với học sinh. (CLO2)	20%	Chủ động ứng dụng hiệu quả nhiều nền tảng để quản lý, trao đổi, phản hồi với học sinh.	Ứng dụng được một vài nền tảng, giao tiếp khá hiệu quả.	Giao tiếp, tương tác hạn chế, còn bị động hoặc lệ thuộc vào giáo viên.	Không biết khai thác hoặc không sử dụng nền tảng số.
5	Phân tích, chọn lọc và xử lý thông tin hiệu quả từ các nguồn tư liệu phục vụ dạy học. (CLO4)	20%	Xác định đúng vấn đề, tìm kiếm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn đa dạng, đáng tin cậy.	Tìm kiếm và xử lý được thông tin cơ bản phục vụ cho bài dạy.	Thông tin chọn lọc chưa chính xác, chưa đáp ứng yêu cầu bài dạy.	Không xử lý được tư liệu hoặc chọn thông tin sai lệch.
6	Soạn thảo được các văn bản rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giảng dạy Ngữ văn bằng các công cụ CNTT. (CLO4)	10%	Văn bản chuẩn xác, cấu trúc rõ ràng, định dạng phù hợp, sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật số.	Văn bản khá rõ ràng, có sử dụng công cụ CNTT nhưng chưa tối ưu.	Văn bản còn rối, hình thức thiếu chuẩn, công cụ CNTT sử dụng chưa hợp lý.	Văn bản không đạt yêu cầu, sử dụng công cụ chưa đúng hoặc không biết dùng
	TỔNG	100%				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS. Lê Thị Gấm

TS. Trần Thanh Bình